

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/DS-ST

Ngày: 14-03-2024

V/v: Đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Tâm;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024 và ngày 14 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 361/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tăng Kim L, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ B, ấp Tân T, xã B, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn H, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp ủy quyền ngày 06/9/2023); có mặt.

Bị đơn: Ông Tống Thanh V, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ A, khu phố K, phường T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Tăng Minh S, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp T, xã B, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Ông Tăng Minh H, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp T, xã B, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2023, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:

Ngày 20/01/2020 bà Tăng Kim L đã cho ông Tống Thanh V vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng. Để đảm bảo khoản vay, ông V đã thế chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS08426 ngày 16/11/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho ông Tống Thanh V. Sau đó, ông V tiếp tục vay thêm tiền cụ thể: ngày 30/01/2020 vay 50.000.000 đồng; ngày 06/02/2020 vay 20.000.000 đồng; ngày 07/02/2020 vay 130.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông Tống Thanh V vay của bà L là 700.000.000 đồng.

Do ông V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc ông Tống Thanh V phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 500.000.000 đồng tạm tính từ ngày 20/3/2020 đến ngày Tòa án xét xử là $44 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 500.000.000 \text{ đồng} = 330.000.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng các khoản là 1.030.000.000 đồng.

Ngày 20/02/2024, đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 200.000.000 đồng (vào ngày 30/01/2020 là 50.000.000 đồng; ngày 06/02/2020 là 20.000.000 đồng; ngày 07/02/2020 là 130.000.000 đồng). Thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi từ yêu cầu 1,5%/tháng sang 0,83%/tháng trên số tiền vay 500.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2024, bị đơn ông Tống Thanh V trình bày: Ông V có mượn số tiền 500.000.000 đồng của bà Tăng Kim L. Để đảm bảo cho việc vay số tiền 500.000.000 đồng ông V đã thế chấp Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS08426 ngày 16/11/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Tống Thanh V. Ngày 20/01/2020, hai bên có lập giấy nợ thế sổ đỏ. Nội dung giấy nợ thể hiện ông V có vay của bà L số tiền 500.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 20/01/2020 đến ngày 20/02/2020, không có lãi suất. Giấy nợ thuê sổ đỏ ngày 20/01/2020 là do bà Tăng Kim L viết và giao trực tiếp số tiền 500.000.000 đồng cho ông V và sau khi nhận số tiền 500.000.000 đồng thì ông V ký tên đồng thời thế chấp Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Ông V không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do, bà L giới thiệu ông V mua đất đồi của ông Lê Chí T để khai thác nên cùng ngày 20/01/2020 ông V đã đưa cho ông Thanh 200.000.000 đồng, 15 ngày sau ông V đưa cho ông T số tiền 180.000.000 đồng. Ngày 20/01/2020, ông V đưa cho bà L số tiền 100.000.000 đồng để bảo lãnh cho việc ông T nhận số tiền 380.000.000 đồng để làm hồ sơ xin cải mặt bằng mua đất đồi của ông T. Tuy nhiên, phần đất này ông T đã bán cho người khác. Do đó, trừ số tiền 380.000.000 đồng ông V đưa cho ông T, thì ông V chỉ còn nợ bà L số tiền 120.000.000 đồng. Do là bạn bè quen biết nên khi ông V giao tiền cho bà , ông T thì không lập văn bản. Bà L bảo lãnh số tiền 380.000.000 đồng ông V đưa cho ông T không lập văn bản. Địa chỉ cụ thể của ông T ở đâu thì ông V không rõ.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà L thì ông V chỉ đồng ý trả số tiền 120.000.000 đồng cho bà L và bà L phải trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS08426 ngày 16/11/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Tổng Thanh V vì bà L giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là không đúng quy định của pháp luật, bà L khởi kiện ông V là không đúng nên đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Giấy nợ thuê sổ đỏ ngày 20/01/2020 có nội dung: "... Hôm nay tôi có mượn của chị Nguyễn Thị Ngọc S số tiền trên giấy là Tăng Kim L ...". Ông V không biết bà Nguyễn Thị Ngọc S là ai, giấy nợ này do bà L tự viết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2024 người làm chứng ông Tăng Minh S và ông Tăng Minh H trình bày: Ông S là em ruột và ông H là cháu ruột của bà Tăng Kim L, sinh năm 1969; địa chỉ: xã B, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ngoài tên Tăng Kim L thì trong gia đình thường gọi bà L là Nguyễn Thị Ngọc S vì lấy họ Nguyễn là họ của mẹ bà L. Chỉ trong gia đình biết bà L có tên gọi là Nguyễn Thị Ngọc S. Ông S, ông H không có chứng cứ nào khác chứng minh bà L còn có tên gọi là Nguyễn Thị Ngọc S.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày: Nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện là đòi lại tài sản đối với bị đơn ông Tổng Thanh V. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền 500.000.000 đồng; rút yêu cầu đối với tiền lãi, không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi.

- Bị đơn ông Tổng Thanh V: Vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi tài sản đối với bị đơn là số tiền vay 500.000.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vay 200.000.000 đồng và số tiền lãi 330.000.000 đồng (của số tiền vay 500.000.000 đồng); buộc nguyên đơn phải trả lại bị đơn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 16/11/2017 mang tên Tổng Thanh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tại thông báo về việc thụ lý vụ án số 361/2023/TB-TLVA ngày 05/12/2023 xác định quan hệ tranh chấp vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tuy nhiên, ngày 26/02/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là “Đòi lại tài sản”. Bị đơn cư trú tại phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và quan hệ pháp luật tranh chấp là “Đòi lại tài sản” theo quy định tại Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 149 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Như đã phân tích tại mục [1], quan hệ tranh chấp của vụ án là “Đòi lại tài sản”. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi thì không áp dụng thời hiệu đối với tranh chấp về đòi lại tài sản do người khác chiếm hữu, quản lý. Do đó việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp về đòi lại tài sản không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[3] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ bị đơn ông Tống Thanh V tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông V vắng mặt không có lý do. Xét thấy, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi với số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền lãi là 330.000.000 đồng (của số tiền vay 500.000.000 đồng). Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã nêu của nguyên đơn.

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền vay là 500.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại “Giấy nợ thuế sở đỏ” đề ngày 20/01/2020 do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án thể hiện ông Tống Thanh V mượn của bà Tăng Kim L số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn mượn đến ngày 20/02/2020, không thỏa thuận về lãi suất. Kết luận giám định số 341/KL-KTHS(TL) ngày 15/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận chữ ký và chữ viết họ tên Tống Thanh V dưới mục Ký tên trên “Giấy nợ thuế sở đỏ” đề ngày 20/01/2020 so với chữ ký, chữ viết họ tên của Tống Thanh V trên các tài liệu mẫu gồm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/3/2011 số công chứng 1024, quyền số 02-TP-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Uyên Hưng, Đơn có mất ngày 11/10/2017, Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 20/9/2017

của ông Tống Thanh V, 02 đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận số vào sổ CS08425, CS08426 cấp ngày 16/11/2017 tại thửa đất số 108, 109, 110 (15), 35, 38, 40, 54, 55, 128, 129, 135, 136, 1276 (16) tờ bản đồ số 15, 16 cấp cho ông Tống Thanh V tại phường Tân Phước Khánh là do cùng một người ký và viết ra.

[2.2] Biên bản xác minh tại Công an xã Bạch Đằng thể hiện qua tra cứu hồ sơ lưu trữ và xác minh thực tế bà Tăng Kim L, sinh năm 1969; địa chỉ: xã B, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương không có tên gọi khác là Nguyễn Thị Ngọc Sơn. Bà Tăng Kim L và bà Nguyễn Thị Ngọc S có phải là cùng một người hay không, Công an xã B không có thông tin cung cấp cho Tòa án. Người làm chứng ông Tăng Minh S và ông Tăng Minh H là em ruột, cháu ruột của bà L xác định bà L còn có tên gọi khác là Nguyễn Thị Ngọc S.

Trong “Giấy nợ thuế sổ đỏ” ngày 20/01/2020 ghi “...tôi có mượn của chị Nguyễn Thị Ngọc S (tên giấy Tăng Kim L) 500.000.000^d... tôi thuê quyền sổ đỏ này cấp ngày 16/11/2017 số thửa 135 số CK 372308..” là có 02 tên S và L nhưng thực tế bà L đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V, trong “giấy nợ thuế sổ đỏ” có ghi thêm tên nhưng vẫn là số tiền 500.000.000 đồng. Ông V có lời khai ngày 23/02/2024 khẳng định “có mượn số tiền 500.000.000 đồng của bà Tăng Kim L....đã thế chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS08426 ngày 16/11/2017 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Tống Thanh V...” là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, không làm thay đổi bản chất của vụ việc. Như vậy, có cơ sở xác định giữa bà L và ông V đã xác lập hợp đồng vay tài sản đối với số tiền 500.000.000 đồng, có thời hạn và không có lãi. Đến hạn, ông V không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

[2.3] Ông Tống Thanh V chỉ đồng ý trả cho bà Tăng Kim L số tiền vay là 120.000.000 đồng. Lý do, bà L giới thiệu ông V mua đất đồi của ông Lê Chí T để khai thác nên ngày 20/01/2020 ông V đã đưa cho ông T 200.000.000 đồng, 15 ngày sau ông V đưa cho ông T số tiền 180.000.000 đồng. Ngày 20/01/2020, ông V đưa cho bà L số tiền 100.000.000 đồng để bảo lãnh cho việc ông T nhận số tiền 380.000.000 đồng để làm hồ sơ xin cải mặt bằng mua đất đồi của ông T nên trừ số tiền 380.000.000 đồng ông V đưa cho ông T thì ông V chỉ còn nợ bà L số tiền 120.000.000 đồng nhưng ông V không có chứng cứ chứng minh cho việc giao tiền và việc bà L bảo lãnh số tiền mà ông V đã đưa cho ông T.

[2.4] Nguyên đơn và bị đơn xác định không biết địa chỉ của ông Nguyễn Chí T ở đâu nên Tòa án không triệu tập được ông T để lấy lời khai làm rõ vụ án. Trường hợp giữa ông Tống Thanh V với ông Nguyễn Chí T có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

Từ phân tích nêu trên, căn cứ Điều 149 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự, nguyên đơn kiện đòi tài sản đối với bị đơn số tiền 500.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS08426 ngày 16/11/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho ông Tống Thanh V, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, ông V thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, việc thế chấp không được công chứng hợp pháp nên

nguyên đơn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên trên là không đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, cần phải buộc nguyên đơn trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bị đơn.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng với bản chất vụ việc, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 161, 244, 259, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 149, 166, 429, 357, khoản 2 Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 03/20102/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi;

- Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Kim L đối với bị đơn ông Tống Thanh V về việc yêu cầu ông Tống Thanh V phải trả số tiền vay 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*) của số tiền vay 500.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Kim L đối với bị đơn ông Tống Thanh V về việc: “Đòi tài sản”.

Buộc ông Tống Thanh V có nghĩa vụ trả cho bà Tăng Kim L số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Buộc bà Tăng Kim L phải trả lại cho ông Tống Thanh V bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS08426 ngày 16/11/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho ông Tống Thanh V.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Tống Thanh V phải nộp số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) để trả cho bà Tăng Kim L.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Trả lại cho bà Tăng Kim L số tiền 21.450.000 đồng (*Hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001699 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5.2. Ông Tống Thanh V phải nộp số tiền 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nếu vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thành Hiệp